

GIẾNG CỔ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

TẠ ĐÌNH HÀ

Hội Di sản Văn hoá Việt Nam tỉnh Quảng Bình

1. Lịch sử ra đời và tồn tại của giếng cổ

Sống trên vùng đất hẹp, thời tiết khí hậu khắc nghiệt của của mảnh đất đa phần là đồi núi, đồng bằng hẹp chạy dài theo các triền cát ven sông, ven biển, nhu cầu về nguồn nước sinh hoạt và tưới tiêu phục vụ sản xuất là khát vọng cháy bỏng của bao thế hệ đứng chân trên mảnh đất này. Cộng đồng dân cư của người Chăm đến các làng xã người Việt khi tiếp quản vùng đất này họ phải luôn tìm cách khai thác nguồn nước ngọt phù hợp với điều kiện địa lý, thủy văn của vùng đất để phục vụ nhu cầu bức thiết đó. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, từ những người Chăm đầu tiên đến các thế hệ người Việt đứng chân trên mảnh đất Quảng Bình đã không ngừng chung lưng đấu cật vật lộn với môi trường thiên nhiên khắc nghiệt, không ngừng sáng tạo và liên tục kế thừa những thành tựu văn hóa của nhau trong lĩnh vực khai thác nguồn nước, trong đó nổi bật là thành tựu cực kỳ quan trọng của người Chăm Pa. Di sản của sự sáng tạo và kế thừa này đã sản sinh ra một hệ thống giếng cổ với nhiều loại hình, quy mô, kỹ thuật giống và khác nhau cùng tồn tại trong các làng xã của Quảng Bình cho đến ngày nay.

Tuy nhiên, do nhiều tác động của khí hậu thời tiết, điều kiện tự nhiên, xã hội và nhất là các cuộc chiến tranh Đại Việt - Chiêm Thành, Trịnh - Nguyễn rồi chống Pháp, chống Mỹ, mảnh đất này chịu bao khói lửa đạn bom, cùng chịu chung số phận của các công trình trên mặt đất thì hệ thống giếng cổ ở đây đa phần đều không nguyên vẹn như những gì vốn có của nó. Mặt khác, hệ thống giếng cổ là những công trình mang tính dân dụng, thực tiễn và luôn gắn bó với đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư nên để phù hợp với hoàn cảnh kinh tế, xã hội, nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu con người, một số giếng được cải tạo, được tu bổ, tôn tạo từng phần làm cho chúng có sự thay đổi về vật liệu, về quy mô, về cấu trúc, diện mạo. Bên cạnh đó, một số giếng khác do không còn sử dụng nên đã

bị hoang phế. Mặc dù vậy, hiện nay, trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số lượng lớn các công trình giếng cổ giữ được nguyên trạng và đang được phát huy tốt trong đời sống kinh tế, văn hóa, du lịch và tâm linh của cộng đồng dân cư. Bốn giếng Chăm ở Pháp Kệ, xã Quảng Phương cũng như các giếng Chăm khác ở xã Quảng Tùng, Quảng Phú... là những di sản còn lại của người Chăm trên đất Quảng Bình được người Việt kế thừa, trùng tu, tôn tạo qua vài lần.

2. Các loại hình kiến trúc giếng cổ ở Quảng Bình

Khác với giếng cổ các khu vực ở miền Bắc và miền Nam, giếng cổ ở Quảng Bình chủ yếu có các dạng hình cấu trúc cơ bản, đó là giếng vuông, giếng có phần dưới vuông, trên tròn, giếng tròn từ đáy lên, cũng có loại thành giếng vuông nhưng lòng giếng lại tròn. Tùy theo quy định của vùng đất, nguồn nước mà giếng cổ có thể là giếng ao, chứa nước trời như giếng Ván, giếng Hồ ở Hiến Lộc, đường kính từ 12 đến 15m, tường thành giếng xây bằng đất. Đa phần là giếng có mạch phun, những giếng này của người Chăm để lại và người Việt tiếp tục tu bổ tôn tạo sử dụng.

Về kỹ thuật xây dựng, đặc biệt giếng của người Chăm ở Quảng Bình, điểm nổi bật nhất là phương thức xếp, kê đá, kết cấu của từng loại hình giếng phụ thuộc vào từng loại mạch nước, cụ thể là mạch nước ngầm hay mạch nước phun nổi. Thêm vào đó, họ đã lợi dụng vào sự chênh lệch độ cao của đất để tạo ra dòng chảy từ giếng xuống ruộng, ví như một số giếng ở huyện Quảng Trạch, Quảng Ninh, Bố Trạch...

Kiến trúc của giếng cổ mang ý nghĩa văn hóa và tín ngưỡng đặc biệt, hình dạng của giếng phong phú, khi thì tròn từ đáy lên, khi thì vuông phần dưới, phần trên thì tròn, khi thì phần dưới tròn phần trên thì vuông, khi thì vuông từ đáy lên... Cấu trúc bao gồm thành giếng, lòng giếng và đáy giếng, đáy có khi có xếp gỗ, có khi không có, lòng giếng là phần chứa nước,

thường được xây dựng bằng đá hay gạch, đá thì có nhiều loại khi thì đá tổ ong, khi thì đá hộc; gạch cũng có nhiều loại, gạch đặc hoặc gạch có lỗ, gạch xếp ngang, hoặc xếp đứng... Thành giếng khi thì xây bằng đá, khi thì lại xây bằng gạch, thậm chí bằng đất, kiểu thành đắp đất đa số là giếng ao, chứa nước trời.

Giếng cổ trên đất Quảng Bình ra đời và tồn tại cả ngàn năm. Trước đây, giếng cổ là nguồn nước chính của cả cộng đồng và cả du khách bốn phương, ví như giếng cổ ở xã Quảng Phú, Cảnh Dương, tàu buôn nước ngoài thường ghé lấy nước ngọt trên chặng đường dài trên biển.

3. Một số nội dung cơ bản của giếng cổ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Nước là nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống sinh hoạt và sản xuất của dân làng nên từ khi định cư từ thuở kỳ thủy, bất cứ làng nào, ở vào địa hình nào họ cũng đào hoặc kế thừa giếng của người Chăm còn sót lại, thường gọi là giếng cổ của làng. Giếng có cái nước ngọt, có cái không ngọt lắm chỉ dùng tưới tiêu sinh hoạt, tắm rửa mà thôi. Giếng dưới gốc độ mạch nguồn thì giếng cổ có các loại sau:

Giếng mạch phun: Đây là những cái giếng mạch chảy mạnh, phun đứng lên khỏi mặt đất, giếng này không nhiều, làng Võ Xá, xã Võ Ninh có giếng “Con Cá”. Giếng này nằm ở thôn Thượng, bên cạnh quốc lộ 1A, mạch từ động cát phía đông chảy ngầm đến địa điểm thôn Thượng, nước bung lên khỏi mặt cát, chảy mạnh, trong veo. Ngày trước chảy tự do, thành vũng, thành dòng. Nay, để lấy nước, người dân trong vùng xây xung quanh thành hình cái giếng có tường bao và tạo một hình đầu con cá, phun nước từ miệng nên gọi là giếng Con Cá. Nước chảy liên tục từ mạch ngầm không bao giờ tắt, có lẽ ngày xưa dân vùng cát ở đây đã lợi dụng nguồn nước này để sinh hoạt và phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Ngoài giếng Con Cá, ở làng Kim Nại, xã An Ninh có một mạch nguồn nước từ dãy núi Trường Sơn phía tây làng chảy về. Làng cho rằng “Đất tam long” (ba con rồng) đã đào xây ba cái giếng, hai giếng mạch ngầm và một giếng mạch phun ra khỏi mặt đất có tên giếng Mọi (Mọi có nghĩa là chảy thùng). Những giếng này



Giếng Tây - Thôn Lộc Đại, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới

Ảnh: T.Đ.H

được kê đá trong lòng, phía trên xây gạch nên rất chắc chắn.

Giếng đất: Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có một loại giếng đất, là loại giếng không hoặc mạch không rõ ràng, có thể gọi là giếng làng (ao làng hay hồ chứa nước). Giếng này thường có ở những làng hiếm nước ngọt như làng Trần Xá, Chính Cung, Hữu Niên, Diên Trường (xã Hàm Ninh); Lương Yên (xã Lương Ninh). Đây là những cái giếng có đường kính hàng chục mét, đào sâu xuống lòng đất có tác dụng như hồ chứa nước ngọt. Làng Lương Yên có giếng Ba, đường kính khoảng 15m. Trên bờ giếng có đắp gờ đất nện chặt. Đến mùa hạn, trâu bò không có nước uống thì sử dụng giếng này. Tuy nhiên, giếng đất ở làng Hữu Niên, xã Hàm Ninh thì giếng lại có hình vuông, mỗi cạnh khoảng 20m. Dân truyền rằng, xưa kia đây là giếng của người Chăm nay còn sót lại. Giếng có thành bao để giữ gìn vệ sinh, vì giếng này dùng lấy nước uống cho người và cả gia súc. Cũng loại giếng này phải kể đến giếng Đưng ở làng Vạn Xuân (xã Vạn Ninh), nắng hạn giếng vẫn không khô, nước trong xanh, mát rượi, dân gian truyền tụng, nước giếng mà con gái gội đầu khoảng một tuần thì tóc đen, óng mượt. Trong tháng 3 năm 2025, khi khảo sát giếng này, nhóm nghiên cứu vẫn gặp dân ở đây lũ lượt đến lấy nước.

Giếng mạch ngầm: Loại giếng mạch ngầm có thể phân làm hai loại giếng, giếng nước ngọt và giếng nước lợ. Đây là giếng phổ biến, mạch nước chảy ngầm nông sâu khác nhau trong lòng đất. Có những làng không có mạch nước ngọt như làng Lương Yên (xã Lương Ninh) nhưng có làng Văn La bên cạnh lại có hệ thống giếng nước ngọt cung cấp cho làng, cả vùng vài xã. Đó là hệ thống giếng Hang nổi tiếng và đã đi vào huyền thoại, bây giờ giếng nay chỉ còn bốn giếng. Làng Lệ Kỳ (xã Vĩnh Ninh) vẫn thường được biết đến là “giếng nước Lệ Kỳ trong vắt”. Nhìn chung, loại giếng này thường ngọt ở những làng dân cư cư trú ven đồi, ven cát, không được ngọt ở những làng ven sông, hoặc trước đây là những làng ven sông, hoặc những dòng sông, đầm phá bị lấp.

4. Giá trị của hệ thống giếng cổ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

4.1. Giá trị kinh tế

Nước cùng với lửa là hai yếu tố cực kỳ quan trọng trong đời sống của con người. Giếng nước là một trong những phương thức cung cấp nước chính cho cộng đồng dân cư ở làng xã từ bao đời. Người dân làng dùng nước từ giếng cổ không chỉ để phục vụ đời sống, ăn uống, tắm giặt mà còn để phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Tất cả mọi sinh hoạt đều diễn ra bên cái giếng. Cái giếng, nước giếng có vai trò như vậy nên từ thuở xa xưa con người đã chọn đào giếng là cách tốt nhất để có được nguồn nước vừa tiện lợi vừa nhanh chóng. Đây là cách tốt nhất phá bỏ sự phụ thuộc của con người vào ao, hồ, sông, suối. Về phương diện kinh tế, trước khi con người biết đào giếng thì đa phần nước uống hay nước sinh hoạt đều lấy từ sông, hồ, khe suối, và từ thuở xưa, y tế chưa phát triển nên nếu uống nước không sạch rất dễ xảy ra nhiều vấn đề về sức khỏe cộng đồng, liên quan đến sinh mạng con người và tiêu tốn tiền bạc không đáng có cho người dân. Do đó, giá trị kinh tế của giếng cổ là rất quan trọng.

4.2. Giá trị văn hóa

Bên cạnh các giá trị kinh tế, vật chất thấy rõ hàng ngày, giếng làng nói chung, giếng cổ nói riêng là không gian sinh hoạt văn hóa chung của làng, nơi đây là các câu chuyện chia sẻ của làng

trên xóm dưới, tin tức của nhà này nhà kia, người này người nọ, sẽ được người dân lan truyền chia sẻ xung quanh giếng làng qua các hoạt động thường nhật như gánh nước giặt giũ, hay là gặp nhau tình cờ bên giếng làng dừng chân trò chuyện.

Giếng làng là nơi biết bao nhiêu đôi trai gái làm quen gặp gỡ hẹn hò. Có những đôi trai gái đã nên duyên và trở thành vợ chồng nhờ gặp nhau bên cái giếng.

Giếng làng truyền tải năng lượng gắn kết lòng người, cổ kết cộng đồng và hun đúc lòng yêu quê hương, đất nước.

Giếng làng, giếng cổ là biểu trưng cho sức sống làng xã Việt Nam nói chung, Quảng Bình nói riêng. Đó là long mạch, là trái tim của làng, là con mắt của đất, là linh hồn của xóm. Giếng nước được xếp hàng quan trọng trong tín ngưỡng tâm linh của mỗi gia đình người Việt, đó là bếp, giếng, cổng, cửa. Trong tổng thể cấu trúc tâm linh ở làng quê, nếu cây đa có thần, chùa có phật, thì giếng nước có thủy thần, có thần mẹ nước. Giếng làng phản ánh đời sống tâm linh của xã hội.

Giá trị sử dụng, giá trị kinh tế, giá trị văn hóa là ngọn nguồn của bao giá trị khác nữa, như giá trị du lịch, giá trị lịch sử liên quan đến thành lập làng xã, nhưng chính vì cái giếng, di sản quý báu, bản sắc của làng biến mất nên kéo theo nhiều hệ lụy làm mất các giá trị khác của giếng làng.

Để giữ gìn nét đẹp văn hóa giếng làng nếu khi mà giá trị sử dụng không còn nhưng giá trị tinh thần, nhân văn của làng xã ở giếng làng vẫn còn đó. Giếng làng cần được bảo tồn theo đúng vai trò vị trí của nó, chỉ cần một chút chăm sóc quan tâm như giữ gìn sạch sẽ môi trường không gian giếng, tu tạo lại thành giếng và không gian xung quanh, khôi phục những giếng bị bỏ hoang sẽ thổi được một sức sống mới vào hồn cốt cho di sản giếng cổ. Việc giữ gìn, bảo vệ giếng cổ không chỉ là giữ gìn nét đẹp văn hóa của mỗi làng quê, góp phần tô điểm thêm bức tranh tươi đẹp của làng xã Quảng Bình. Giếng cổ vẫn là những công trình mang giá trị văn hóa tâm linh của làng quê, là bản sắc văn hóa của Quảng Bình qua bao thế hệ đang hiện hữu trên mảnh đất nhỏ hẹp duyên hải miền Trung Việt Nam ■